

THƯỜNG THỨC TRUNG QUỐC HỌC

VIÊN XU VÀ TÁC PHẨM *THÔNG GIÁM KÝ SỰ BẢN MẶT*

Sau hơn nửa thế kỷ Tư Mã Quang hoàn thành bộ *Tư trị thông giám*, triều Tống lại xuất hiện một nhà sử học kiệt xuất. Ông chính là Viên Xu - người biên soạn tác phẩm *Thông giám ký sự bản mặt*, khai sáng thể tài ký sự bản mặt (Thể tài ghi chép đầu đuôi sự việc) trong lịch sử sử học Trung Quốc.

Viên Xu (1131-1205), tự là Cơ Trọng, người Kiến An - Kiến Châu (nay là Kiến Ân, Phúc Kiến). Ông sinh ra và lớn lên đúng lúc triều Nam Tống và triều Kim vừa ký kết “Hòa ước Thiệu Hưng”, hình thành cục diện Nam - Bắc đối đầu. Bấy giờ, quan lại lớn nhỏ trong triều chỉ biết sống cầu an qua ngày, chẳng màng nghĩ đến việc giành lại những vùng đất đã mất, thu giang sơn về một mối; Quan trường xa xỉ, kẻ sĩ suy đồi. Khác với thói đời, Viên Xu hoàn toàn không thờ ơ trước thực trạng kỷ cương xã hội đang ngày càng hỗn loạn. Năm 17 tuổi, ông vào

Thái học (tức Đại học ở Trung Quốc thời cổ); Năm Long Hưng nguyên niên (1163), Viên Xu đỗ Tiến sĩ với tư cách trạng nguyên. Cùng đỗ tiến sĩ khoa thi này còn có hai nhà Kinh học nổi tiếng thời Nam Tống là Chu Hy (1130-1200) và Lã Tổ Khiêm (1137-1181).

Sau khi đỗ tiến sĩ, theo lệ khảo hạch, Viên Xu được bổ nhiệm làm phán quan ở Ôn Châu khoảng 8 năm. Năm Càn Đạo thứ 7 (1171), Viên Xu được điều về thủ đô Lâm An (nay là Hàng Châu - Chiết Giang) nhậm chức Thí quan kiêm Thái học lục ở bộ Lễ, phụ trách huấn đạo Thái học sinh. Thời đó, triều Tống có chế độ bách quan luân phiên nhau điều trần trực tiếp với hoàng đế về những được, mất của chính lệnh thi hành đương thời. Viên Xu nhằm thẳng vào những tệ đoan lưu cữu trong nền chính trị triều Nam Tống, dâng số luận bàn 3 vấn đề: Thứ nhất, cần công khai ngôn luận để bồi dưỡng phẩm cách trung hiếu của kẻ sĩ;

thứ hai, nêu kế hoạch kháng chiến chống triều Kim nhằm khôi phục Trung nguyên; thứ ba, phê phán thói giả dối, chuộng hư danh, chỉ nghĩ đến việc thăng quan, phát tài của tầng lớp sĩ. Sau đó không lâu, Viên Xu lại tiếp tục dâng sớ, thẳng thắn kết tội thế lực ngoại thích can dự triều chính. Vì việc này, ông bị đày đến phủ Kiến Châu (nay là huyện Kiến Châu, tỉnh Chiết Giang), với chức “hưu quan” - Giáo thụ Kiến Châu. Chính thời kỳ này, Viên Xu đã hoàn thành 42 quyển *Thông giám ký sự bản mật*.

Trước khi Viên Xu hoàn thành trước tác *Thông giám ký sự bản mật*, thể tài sách sử cổ đại Trung Quốc chủ yếu có hai loại là thể truyện ký và thể biên niên. Sau khi hai trước tác *Sử ký* và *Hán thư* ra đời, Tư Mã Quang thời Bắc Tống cho rằng, viết sử theo lối của Tư Mã Thiên và Ban Cố thì “sau mỗi đời, người đọc không thể rút ra được đại lược của nó”, cho nên ông đã quyết tâm bỏ ra 19 năm biên soạn bộ thông sử *Tư trị thông giám* theo thể biên niên, lấy năm làm *kinh*; lấy sự làm *vĩ*, (tức kết cấu chiều dọc theo thời gian, chiều ngang theo sự kiện). Sau khi *Tư trị thông giám* ra đời, quả thực người ta phần nào đã thoát khỏi sự choáng ngợp đến mức lúng túng trước số lượng sách sử hết sức đồ sộ đương thời. Song, sách sử viết theo thể biên niên tuy đã khắc phục được chỗ bất

cập của sách sử thể truyện ký lấy nhân vật làm trung tâm, khó có thể phản ánh sự phát triển tuần tự của lịch sử, “Cùng một sự kiện, lại được viết ở nhiều thiên, trước sau xuất hiện nhiều lần trong sự đứt gãy, thật khó phân biệt chính tà”; nhưng đến lượt nó, thể biên niên cũng lại bộc lộ những hạn chế tự thân không thể khắc phục. Cụ thể, tác phẩm thông sử thể biên niên theo thứ tự thời gian để sắp xếp tài liệu, nên một sự kiện được ghi chép thường “cách nhau một số quyển, khó tra cứu đầu đuôi”, khiến việc tìm hiểu ngọn ngành một sự kiện nào đó cực kỳ bất tiện. Xã hội ngày càng phát triển, ngày càng “đa sự” thì đòi hỏi về một loại sách sử có nội dung và hình thức đơn nhất càng cao.

Thời trẻ, Viên Xu “say mê đọc *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang, nhưng cảm thấy thật nhọc nhằn vì sự bao la, bề bộn của nó”. Ông than vãn, đọc *Tư trị thông giám*, thật khó tìm hiểu “Đầu đuôi sự việc” (Sự chi bản mật). Nghe nói, bản thân Tư Mã Quang “cũng từng thở dài sau khi biên soạn xong bộ *Thông giám*, vì nhiều người đọc chưa hết vài trang đã ngáp dài, muốn ngủ”. Viên Xu, sau nhiều lần đọc rất kỹ *Thông giám*, bèn nảy ra sáng kiến “tách riêng từng sự kiện để viết trọn vẹn về nó” (Khu biệt kỳ sự nhi quán thông chi). Cụ thể, theo *Tư khố toàn thư tổng mục đề yếu*, Viên Xu

khi biên soạn *Thông giám ký sự bản mật* đã “Dựa vào *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang, chia ra thành các mục loại, rồi căn cứ vào các mục loại sắp xếp thứ tự; mỗi sự kiện được trình bày từ khởi đầu đến kết thúc, đồng thời được lấy làm tiêu đề; mỗi thiên ghi chép theo năm tháng diễn biến từ đầu đến cuối của sự kiện. Mở đầu là thiên “Tam gia phân Tấn” (năm 403 trước CN), nói về việc thiên tử nhà Chu chính thức chấp nhận 3 nhà Ngụy, Triệu, Hàn - vốn thuộc nước Tấn - làm chư hầu, và kết thúc ở thiên “Chu Thế Tông tam chinh Hoài Nam” (năm 959), ghi chép về ba lần chinh phạt Hoài Nam của hoàng đế Hậu Chu, bao quát 1362 năm lịch sử; Kết cấu rõ ràng, các tiết mục đều cụ thể tở mĩ, tuần tự lớp lang, xem xong là rõ, khiến cho thể truyện ký và thể biên niên hợp thành một thể”. Vậy là, trong lịch sử sử học Trung Quốc đã xuất hiện thể ký sự bản mật, chỉ chủ yếu viết về các sự kiện lịch sử quan trọng, mỗi sự kiện là một thiên độc lập, mỗi thiên trình bày sự phát triển tuần tự của sự kiện theo thời gian.

Thông giám ký sự bản mật của Viên Xu là sự cải biên hình thức biên soạn *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang. Cụ thể, Viên Xu đã cải biên 294 quyển *Thông giám* bao quát 1362 năm lịch sử thành 42 quyển với 305 sự kiện lịch sử (trong đó có 66 sự kiện được xếp vào phần phụ lục),

mỗi sự kiện là một thiên, mỗi thiên có một tiêu đề, tổng cộng có 239 tiêu đề. Mỗi tiêu đề trình bày rõ ràng sự khởi đầu và kết thúc của một sự kiện, do đó mà có tên “bản mật”.

Do thể ký sự bản mật lấy sự kiện đặt tên cho mỗi thiên, nên việc chọn tiêu đề cho mỗi thiên vô cùng quan trọng. Viên Xu dụng công đặt tiêu đề gọn gàng, lại cố gắng bắt chước “Bút pháp Xuân thu”, ngụ ý khen chê chỉ ở một chữ. Ví dụ như ông gọi quân khởi nghĩa nông dân là “tặc” (kẻ trộm cướp), gọi hành động trấn áp khởi nghĩa của giai tầng thống trị là “bình” (bình định). Xuất phát từ sử quan chính thống phong kiến, khi Bắc triều tấn công Nam triều, Viên Xu gọi là “khấu” (kẻ cướp); nhưng khi Nam triều tấn công Bắc triều, ông lại gọi là “phạt” (đánh dẹp), v.v... Những điều trên phản ánh sử quan hạn chế của tác giả.

Thông giám ký sự bản mật trong quá trình hoàn thành và sau khi ra đời đã nhận được sự trọng thị của mọi người. Thi nhân Dương Vạn Lý, người sánh ngang với nhà thơ Lục Du nổi tiếng cùng thời đã viết lời *Tựa*, Lã Tổ Khiêm và Chu Hy thì viết lời *Bạt* cho nó; Tham tri chính sự Cung Mậu Lương coi bộ sử trên “có tác dụng trị đạo”, bèn dâng lên hoàng đế Tống Hiếu Tông. Đọc xong, vị hoàng đế này rất khen ngợi, cho rằng “Việc trị đạo tất thấy ở trong sách này vậy”. Sau đó, lệnh cho hoàng thái tử phải đọc kỹ.

Đương nhiên, bất kỳ thể tài sử học nào cũng đều có chỗ bất cập và hạn chế của nó. *Thông giám ký sự bản mạt* sử dụng tài liệu của *Tư trị thông giám*, sáng tạo của Viên Xu chỉ thể hiện ở việc sắp xếp, biên tập nên nội dung không vượt qua được tác phẩm của Tư Mã Quang. Trong toàn bộ tác phẩm *Thông giám ký sự bản mạt*, ngoài phần tiêu đề ra, Viên Xu không thêm một chữ nào khi sử dụng tài liệu trong *Thông giám*; hơn nữa, trong tác phẩm này, Viên Xu cũng chỉ chú trọng lịch sử chính trị mà hầu như không đề cập đến lịch sử trên các phương diện khác, khiến giá trị văn hiến của *Thông giám ký sự bản mạt* bị hạn chế đáng kể.

Chịu ảnh hưởng của Viên Xu, sau khi ông mất, rất nhiều người đã dùng thể tài Ký sự bản mạt để biên soạn sách sử, với hai loại chủ yếu sau: *Loại thứ nhất* là thể ký sự bản mạt đồng đại, ví dụ như *Xuân thu tả thị truyện sự loại bản mạt* của Trương Xung, *Hoàng Tống thông giám trường biên ký sự bản mạt* của Dương Trọng Lương thời Nam Tống; *Tống sử ký sự bản mạt* của Phùng Kỳ và Trần Bang Chiêm, *Nguyên sử ký sự bản mạt* của Trần Bang Chiêm, *Tây Hạ ký sự bản mạt* của Trương Giám, *Tả truyện ký sự bản mạt* của Cao sĩ Kỳ triều Minh; *Liêu sử ký sự bản mạt* và *Kim sử ký sự bản mạt* của Lý Hữu Đường, *Minh sử ký*

sự bản mạt của Cốc ứng Thái triều Thanh; *Thanh sử ký sự bản mạt* của Hoàng Hồng Thọ thời Dân quốc, vv.... *Loại thứ hai* là chuyên sử ký sự bản mạt xuất hiện trong thời Thanh, ví dụ như: *Tam phiên ký sự bản mạt* của Dương Lục Vinh, *Tứ phiên thủy mạt* của Tiền Danh Thế, *Bình định tam nghịch phương lược* của Lặc Đức Hồng, *Đài Loan Trịnh thị thủy mạt ký* của Thẩm Vân, *Đài Loan ký lược* (Soạn sách của Càn Long), *Lan Châu ký lược*, *Thạch phong bảo ký lược* của Phụ Hằng, *Các quốc lập ước thủy mạt ký* của Lục Nguyên Đĩnh, *Trù biện di vụ thủy mạt* của Văn Khánh, vv...

Thể tài Ký sự bản mạt đã trở thành một lưu phái sử học lớn xuyên suốt cổ kim, có ảnh hưởng cực lớn ở Trung Quốc.

DUY ĐẠT biên khảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Cao Hoa, Vương Liên Thăng chủ biên: *Bạch thoại “Tư trị thông giám” tinh hoa* (quyển thượng), Quốc tế văn hóa xuất bản công ty, Bắc Kinh, 1991.
2. Trương Hải Bằng chủ biên: *Trung Quốc truyền thống văn hóa luận cương*, An Huy giáo dục xuất bản xã, 1996.
3. Nhiều tác giả: *Trung Quốc văn hóa sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1989.